TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 24/02/2020
V/v: Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và Ông Võ Bá Lưu
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*** Ông Đoàn Công Minh.

Ngày 24/02/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

Do bản án sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 18/10/2019 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2020/QĐ-PT ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Vinh C, sinh năm 1965, địa chỉ: tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lương Thị Thanh H, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

+ Chị Lương Thị Ái L, sinh năm 1965, địa chỉ: tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

+Chị Lương Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

+ Anh Lương Anh S, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

+ Anh Võ Văn Tr, địa chỉ: thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

+ Anh Trần Anh D, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Bùi Hải Đ, địa chỉ: Tổ dân phố n, thôn Q, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình L, địa chỉ: thôn C, xã N, huyện L tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Dương KhắcD, địa chỉ: số k, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Võ Văn Đ địa chỉ: thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn L, địa chỉ: Tổ dân phố m, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Phạm Vinh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị Thanh H đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/3/1995. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên nảy sinh tranh cãi. Hiện tại, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hoá giải, hai người đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm không còn nên anh làm đơn đề nghị ly hôn.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hương Gi, sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành. Đối với con Phạm Lương H sinh ngày 12/10/2003, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận là con chung vì cháu H là con của chị H với người khác.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:

- Anh và chị H có 01 ngôi nhà diện tích khoảng 116m^2 xây trên đất của bố mẹ chị H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lương Khắc Ch và bà Nguyễn Thị H (ông bà đã đều đã chết) ở Tổ dân phố n, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh C không yêu cầu giải quyết diện tích đất có ngôi nhà vì ông Ch, bà H cho đất nhưng chưa chuyển nhượng tên cho vợ chồng. Về giá trị ngôi nhà anh C nhất trí như kết quả định giá ngày 26/6/2019, giá trị 484.922.156 đồng. Số tiền làm nhà chủ yếu do anh làm ra khi đi làm ăn ở Malaysia. Từ năm 2012-2013 anh đã gửi tiền về cho chị H số tiền 550 triệu đồng, chị H nhận trực tiếp ở anh Ngô Xuân N và vợ anh N ở thành phố Đ. Lúc anh gửi tiền về thì chị H có gửi ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền khoảng 200 triệu đồng, còn lại chị H mua vàng và cất giữ tiền mặt. Đến tháng 02/2014 khi anh đi làm ăn thì bà H còn giữ số tiền khoảng 120 triệu đồng.

Anh C yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị ngôi nhà, giao nhà cho chị H quản lý, sử dụng nhưng chị H phải giao ½ giá trị ngôi nhà là 242.461.078 đồng cho anh.

- Ngoài ra, vợ chồng còn có hai thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa thứ nhất: thửa số 78, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại thôn Q xã N, huyện L với diện tích 3.620m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653758 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H giá 20.000.000 đồng, trên đất trồng khoảng 300 cây cao su 08 năm tuổi, trị giá 10.000.000 đồng; Thửa đất thứ hai số 76, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại Thôn Q, xã N, huyện L, diện tích 11.514m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653754 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H, trị giá 30.000.000 đồng. Anh C có nguyện vọng xin nhận toàn bộ 02 lô đất này và giao tiền chênh lệch về tài sản cho chị H số tiền 30 triệu đồng. Nếu chị H có nguyện vọng sử dụng 02 lô đất thì anh nhất trí nhưng phải giao tiền chênh lệch về tài sản cho anh số tiền 30 triệu đồng.

Quá trình làm nhà mua vật liệu xây dựng ở Đại lý ĐT, HV ở Thôn M, xã S, anh là người có trả tiền vật liệu xây dựng cho Đại lý ĐT 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị H trực tiếp thanh toán vì nhà khởi công xây dựng vào tháng 11/2013, hoàn thiện tháng 8/2014, thời gian từ tháng 2/2014 đến tháng 10/2014 anh C đi làm ăn xa. Tại phiên toà sơ thẩm, anh C cho rằng số gỗ Kiền, vật liệu điện nước anh Sơn mua, vật liệu xây dựng chị L mua đã nộp tại toà án không phải để xây ngôi nhà hiện tại đang tranh chấp mà là xây dựng ngôi nhà khác cách đó 50 mét, hiện nay sử dụng làm nhà trẻ. Số gỗ anh làm nhà là gỗ Lim, Táu, không phải là gỗ Kiền.

Về nợ chung: Không.

Bị đơn chị Lương Thị Thanh H trình bày:

- Về tình cảm: nhất trí như trình bày của anh Phạm Vinh C. Tuy nhiên chị thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm và cả hai người cũng đã lớn tuổi nên đề nghị Toà án xử bác đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: có một con chung là Phạm Hương Gi, sinh năm 1995. Chị H thừa nhận Phạm Lương H không phải con của anh C, vì vậy không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Nhất trí như trình bày của anh C về 2 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653758 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H diện tích 3.620m^2 và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653754 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H diện tích 11.514m^2. Chị có nguyện vọng nhận 02 thửa đất này và đồng ý giao tiền chênh lệch 30 triệu đồng cho anh C.

Đối với ngôi nhà cấp 4 ở Tổ dân phố n, thị trấn nông trường L là nhà của bố mẹ đẻ của chị, anh S là con trai trong gia đình đã bỏ tiền ra xây dựng cho vợ chồng chị mượn để ở từ năm 2011, đất và nhà là của bố mẹ nên không nhất trí đây là tài sản chung của vợ chồng.

Chị H thừa nhận có nhận tiền lương của anh C khoảng 100 triệu đồng, vợ chồng tiết kiệm được số tiền khoảng 110 triệu đồng gửi ở ngân hàng nông nghiệp Mỹ Đức.

- Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 33 triệu đồng. Số tiền này chị L (chị gái của chị H) đã giao cho chị trả cho anh Tr, chị Th nhưng do anh C bị tai nạn nên chị đã chi tiêu hết, đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người trả cho anh Tr, chị Th mỗi người một nữa số nợ. Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh Trần Anh D khai nợ tiền công thợ mộc chị H không chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan trong vụ án chị Lương Thị Ái L trình bày: Ngôi nhà đang tranh chấp là nhà do anh Lương Anh S bỏ tiền ra làm, cho vợ chồng C, H mượn để ở. Chị là người trực tiếp thay mặt anh S trả tiền vật liệu xây dựng 112.442.000 đồng. Đối với tiền công thợ làm nhà, chị là người đã trả cho vợ chồng anh Tr, chị Th thợ làm nhà số tiền 80.000.000 đồng. Số tiền còn lại đã đưa cho chị H thanh toán. Chị không chấp nhận yêu cầu của anh C ngôi nhà nói trên là nhà của vợ chồng H, C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: anh S, chị H đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C về ngôi nhà đang tranh chấp là nhà chung của H, C vì nhà đó là của bố mẹ. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng trong vụ án: anh Tr thừa nhận việc anh C chị H gọi anh đến xây nhà cho anh C, chị H. Chị H xuất trình giấy viết tay có nội dung chị Th vợ anh Tr nhận từ chị L số tiền 80.000.000 đồng tiền công xây nhà.

Tại Bản án sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 18/10/2019 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ quyết định:

Căn cứ Điều 91, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 29, 33, 37, 51, 56 và Điều 59; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Vinh C được ly hôn chị Lương Thị Thanh H.

2.Về quan hệ con cái: Công nhận sự thỏa Th giữa anh Phạm Vinh C và chị Lương Thị Thanh H về việc cháu Phạm Lương H, sinh ngày 12/10/2003 là con riêng của chị Lương Thị Thanh H.

3.Về quan hệ tài sản:

Giao cho chị Lương Thị Thanh H được sử dụng, sở hữu:

+ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.620m^2 đất trồng cây lâu năm và 300 cây cao su 08 năm tuổi trồng trên đất tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653758 ngày 03/11/2015 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

+ Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.514m^2 gồm 400m^2 đất ở và 11.114m^2 đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh

Quảng Bình đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653754 ngày 03/11/2015 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

+ 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 116,64m^2 xây dựng trên một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: thôn 2C, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 869011 ngày 31/12/2007 mang tên ông Lương Khắc Ch bà Nguyễn Thị H, trị giá nhà 484.922.156 đồng. Vị trí ngôi nhà xác định như sau:

- Phía Tây giáp với đường L xã có kích thước 8,1 mét;
- Phía Bắc giáp với đất ông Lương Khắc Ch, bà Nguyễn Thị H có kích thước 14,4 mét;
- Phía Đông giáp với đất anh Võ Khắc Ng có kích thước 8,1 mét;
- Phía Nam giáp với đất ông Lương Khắc Ch, bà Nguyễn Thị H có kích thước 14,4 mét;

Giao chị Lương Thị Thanh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Th, anh Võ Văn Tr số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), hoàn trả cho chị Lương Thị Ái L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và giao tiền chênh lệch về tài sản cho anh Phạm Vinh C số tiền 215.961.078 đồng (Hai trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi tám đồng). Tổng số tiền chị H thực nhận 215.961.078 đồng (Hai trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi tám đồng);

Giao cho anh Phạm Vinh C được nhận tiền chênh lệch tài sản từ chị Lương Thị Thanh H số tiền 215.961.078 đồng (Hai trăm mười lăm triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/10/2019, anh Phạm Vinh C có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: buộc chị Lương Thị Thanh H giao ½ giá trị căn nhà là 240.000.000 đồng; giao cho anh được sở hữu diện tích đất ở tổ dân phố n thôn Q, xã N, huyện L, Quảng Bình đã có GCNQSDĐ mang tên Phạm Vinh C, Lương Thị Thanh H và đồng ý giao cho chị H số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 30/12/2019, Toà án Tỉnh Quảng Bình nhận đơn trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng Th xác nhận đến cuối năm 2014, sau khi công trình nhà chị H hoàn thành thì vợ chồng chị đã được thanh toán tiền công đầy đủ. Trong các lần ứng tiền, trả tiền thì chỉ một lần chị L là người thanh toán cho chị số tiền 33.000.000 đồng vì lúc đó chị H đi vắng, chị L trả thay.

Tại phiên toà hôm nay, anh Phạm Vinh C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được nhận hai thửa đất ở thôn Quyết Tiến, xã Ngân Thuỷ và giao lại tiền chênh lệch đất cho chị H 30.000.000 đồng vì hiện tại sức khoẻ anh bị giảm sút do tai nạn, không có nơi ăn chốn ở; Số tiền nợ công thợ làm nhà đã thanh toán đầy đủ cho anh Tr, chị Th, anh chị không nợ tiền chị L, đề nghị Toà án xem xét.

Bị đơn chị Lương Thị Thanh H không chấp nhận kháng cáo vì chị cho rằng, hiện tại con gái của anh chị đã lấy chồng nhưng hoàn cảnh khó khăn, chị

muốn nhận đất để giao cho con làm nhà, quá trình thuê thợ làm nhà chị L là người đã trả giúp tiền cho chị Th, số tiền còn lại 33 triệu nợ chị Th chị H đã trả sau khi xét xử sơ thẩm, việc trả nợ không có giấy tờ gì. Chị Th là người ký xác nhận đã nhận từ chị L số tiền 80.000.000 đồng, tại phiên toà phúc thẩm không thừa nhận việc đã nhận tiền chị L 80 triệu đồng là do phía anh C đe doạ.

Chị Th trình bày: Giấy trình bày tôi nộp cho Toà là do anh C viết, tôi xác nhận các nội dung trình bày là đúng. Trong quá trình giải quyết ly hôn ở cấp sơ thẩm, chị H viết giấy sẵn có nội dung tôi nhận từ chị L 80.000.000 đồng tiền công làm nhà, chị H nói cứ ký để vợ chồng anh chị nộp cho toà án chứ đằng nào vợ chồng cũng trở lại đoàn tụ với nhau, không ảnh hưởng gì, vì nể nên chị ký. Tại phiên toà chị thừa nhận trên thực tế có một lần nhận tiền từ chị L nhưng không phải số tiền lớn 80 triệu đồng mà chỉ trên dưới ba mươi triệu. Việc trình bày trên là đúng sự thật, không ai đe doạ, ép buộc như chị H nói.

Chị L trình bày: Việc chia đất cho ai là việc giữa H, C chị không có ý kiến. Ngôi nhà đang tranh chấp là nhà của bố mẹ làm cho cậu S sau này cưới vợ, cho C, H ở nhờ. Toà cấp sơ thẩm xác định đó là tài sản chung của C, H gia đình đã bàn bạc không kháng cáo vì muốn bù đắp phần nào thiệt thòi cho anh C khi ly hôn. Việc chị Th trước đây đã ký nhận tiền từ chị 80 triệu đồng nhưng hôm nay phủ nhận đề nghị Toà xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Toà án chấp nhận một phần kháng cáo của anh C, giao cho ông C được quyền sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: Thôn Quyết Tiến, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Lệ Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653754 ngày 03/11/2015 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H đất diện tích 11.514m^2 gồm 400m^2 đất ở và 11.114m^2 đất trồng cây lâu năm. Các tài sản còn lại giao cho chị H được sử dụng, sở hữu và quyết định phần chênh lệch tài sản giữa các đương sự theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Phạm Vinh C về việc đề nghị được nhận hai thửa đất ở tổ dân phố n, thôn Q, xã N, huyện L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, Toà án đã xác định ngôi nhà 116,64m^2 làm trên đất của ông Ch, bà H là tài sản chung của anh C, chị H và giao cho chị

H sở hữu là có căn cứ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đối với phần tài sản này không có kháng cáo. Tuy nhiên, cùng với việc giao nhà cho chị H, cấp sơ thẩm giao cả hai thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của anh C, chị H cho chị H sử dụng, chị H có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho anh C là không tính đến nhu cầu thực tế của anh C hiện tại không có nhà ở, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh C. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm, giao thửa đất có đất ở tại thôn Q, xã N cho anh C sử dụng, thửa đất rừng còn lại tiếp tục giao cho chị H để chị có điều kiện canh tác, ổn định cuộc sống.

[2.2] Xét kháng cáo của anh C về việc chia đôi giá trị ngôi nhà 116,64m^2 làm trên đất của ông Ch, bà H và các khoản nợ phải trả của anh C, chị H, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản trình bày ngày 30/12/2019 và tại phiên toà phúc thẩm,chị Th khẳng định anh C, chị H không nợ vợ chồng chị tiền công làm nhà vì đã được thanh toán xong khi công trình hoàn thành trong năm 2014. Chị Th trình bày trước đây chị có ký vào giấy viết sẵn do chị H đưa việc chị đã nhận từ chị L 80 triệu đồng vì lúc đó chị nể nang chị H. Thực tế chị chỉ nhận tiền từ chị L một lần trên dưới 30 triệu đồng, không phải số tiền lớn 80 triệu. Chị L ngoài giấy viết tay có chữ ký chị Th viết giai đoạn xét xử sơ thẩm không có giấy tờ gì khác chứng minh trả nợ tiền công cho chị Th, anh Trình thay chị H, anh C, không có sổ theo dõi, ghi chép việc trả tiền công thợ. Xét lời khai của anh C, chị Th, chị H, chị L cho thấy rằng chính anh C, chị H là người đã thanh toán tiền công làm nhà cho chị Th; Chị L chỉ trả thay cho chị H, anh C một lần số tiền 33.000.000 đồng. Số tiền này anh C chị H không có chứng cứ đã thanh toán lại cho chị L. Vì vậy buộc anh C, chị H có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị H số tiền 33.000.000 đồng. Chị Th thừa nhận anh C, chị H đã thanh toán xong tiền công thợ từ năm 2014 nên sửa án sơ thẩm về trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh C được chấp nhận một phần nên anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cần sửa lại án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mỗi người được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Vinh C, sửa Bản án sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 18/10/2019 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ về phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Vinh C và bà Lương Thị Thanh H, xử:

- Giao cho chị Lương Thị Thanh H được sở hữu, sử dụng:

+ Ngôi nhà diện tích 116,64m^2 xây dựng trên một phần diện tích của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn n, thị trấn Nông trường L,

huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 869011 ngày 31/12/2007 mang tên ông Lương Khắc Ch bà Nguyễn Thị H, trị giá 484.922.156 đồng. Vị trí ngôi nhà xác định như sau:

- Phía Tây giáp với đường liên xã có kích thước 8,1 mét;
- Phía Bắc giáp với đất ông Lương Khắc Ch, bà Nguyễn Thị H có kích thước 14,4 mét;
- Phía Đông giáp với đất anh Võ Khắc Ng có kích thước 8,1 mét;
- Phía Nam giáp với đất ông Lương Khắc Ch, bà Nguyễn Thị H có kích thước 14,4 mét;

+ Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình diện tích 3.620m^2 đất trồng cây lâu năm và 300 cây cao su 08 năm tuổi trồng trên đất đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653758 ngày 03/11/2015 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H, trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nhưng chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Lương Thị Ái L số tiền 33.000.000 đồng và giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Phạm Vinh C số tiền 225.961.078 đồng; Giá trị tài sản chị L được hưởng: 255.922.078 đồng.

- Giao cho ông Phạm Vinh C được sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình có diện tích 11.514m^2 gồm 400m^2 đất ở và 11.114m^2 đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 653754 ngày 03/11/2015 mang tên Phạm Vinh C và Lương Thị Thanh H trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); anh Phạm Vinh C được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ chị H số tiền 225.961.078đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) là tiền chênh lệch tài sản. Giá trị tài sản anh C được hưởng: 255.922.078 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 12.798.053 đồng án phí chia tài sản; Anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền án phí sơ thẩm và án phí tài sản được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai số 0001956 ngày 21/2/2019 và biên lai số 0005899 ngày 14/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình. Số tiền án phí còn lại anh phải nộp tiếp: 8.748.053 đồng.

Chị H phải chịu án phí chia tài sản: 12.798.053 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND huyện Lệ Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thuỷ;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương